

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2019

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hằng

2. Bà Đặng Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Sự - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

HKTT: Thôn D, xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện làm việc tại: Hàn Quốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T, kết hôn ngày 07/9/2006 trên cơ sở tự nguyện và tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh T làm dâu ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng chị sống với nhau không có tình cảm nên không có tiếng nói chung và đã ly thân từ lâu. Anh chị sinh được 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 15/01/2015. Năm 2016, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Ngọc Trì, Bình Định, Lương Tài, Bắc Ninh và có đề nghị anh T cho mang con theo nhưng gia đình anh T không đồng ý. Sau này chị được biết anh T đi lao động Hàn Quốc từ tháng 12/2017 đến nay nhưng hai vợ chồng không còn liên lạc gì với

nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Khi ly hôn chị X đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 15/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có gửi ý kiến về Tòa án trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987 trú tại Ngọc Trì, Bình Định, Lương Tài, Bắc Ninh có tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/9/2006 tại UBND xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống với nhau êm ấm, hạnh phúc và sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 15/01/2015. Hiện nay cả 02 cháu đang sống cùng với ông bà nội. Năm 2016 vợ chồng anh có bàn bạc với nhau là để vợ anh tức chị Nguyễn Thị X đi xuất khẩu lao động Đài Loan. Sau đó, vợ anh sang bên đó phải lòng trai và không hề liên lạc gì về cho bố con anh, không chu cấp một đồng nào cho hai cháu cả. Kể từ ngày chị X bỏ chồng con đi theo trai, không hề quan tâm đến bố con anh nữa, anh cảm thấy rất bức xúc vấn đề này. Anh nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nữa, nay hết hạn hợp đồng chị X về Việt Nam và làm đơn xin ly hôn với anh thì quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị X. Năm 2017 anh có bàn bạc với gia đình để 02 con ở nhà với ông bà nội thay anh nuôi dưỡng để anh đi xuất khẩu lao động bên Hàn Quốc từ đó đến nay.

Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao cả cháu Th và cháu T cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con, đó cũng là thỏa thuận của anh với chị X. Chị X không xứng đáng để nuôi hai cháu.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh còn trình bày: Do hiện nay anh đang lao động bên Hàn Quốc nên không có điều kiện để về nước trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tạo điều kiện giải quyết vụ án vắng mặt anh. Anh sẽ chấp hành nghiêm túc các quyết định của Tòa án. Đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh thông qua bố anh là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn D, xã Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, chị X vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X, anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X. Giao 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: vào thời điểm chị X gửi đơn xin ly hôn thì anh T đang cư trú tại Hàn Quốc vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X là đúng quy định tại Điều 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra xét thấy chị X là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong bản ý kiến của anh thì có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Thứ nhất, về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh T kết hôn vào ngày 07/9/2006, khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, thời gian đầu mới kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh chị êm ấm, hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 15/01/2015, hiện nay 02 cháu đang ở cùng với ông bà nội. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng lớn khiến cả hai không tìm được tiếng nói chung. Chị X thì cho rằng vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm, còn anh T lại cho rằng do chị X đi lao động bên Đài Loan từ 2016 phải lòng trai nên không còn quan tâm đến chồng con nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục cuộc hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các bên, vì vậy nay cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn T.

Thứ hai, về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có với nhau 02 con chung gồm cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 15/01/2015. Khi ly hôn chị X và anh T thỏa thuận giao cả Nguyễn Thị Phương

Th và cháu Nguyễn Huy T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Th có nguyện vọng đề nghị Tòa án để cả 02 chị em cháu ở cùng với bố và ông bà nội vì vậy nay cần giao cháu Th và cháu T cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị X và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39, 146, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung của chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn T là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy T, sinh ngày 15/01/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0004500 ngày 24/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tuấn Anh
(Đã ký)**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ.....phút, ngày 06 tháng 8 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hằng và bà Đặng Thị Mai

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thuân

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

I. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 39, 146, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

II. Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Xuân và anh Nguyễn Văn Thuân.

2. Về con chung: Giao hai con chung của chị Nguyễn Thị Xuân và anh Nguyễn Văn Thuân là cháu Nguyễn Thị Phương Thùy, sinh ngày 12/02/2008 và cháu Nguyễn Huy Thương, sinh ngày 15/01/2015 cho anh Nguyễn Văn Thuân trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Xuân đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0004500 ngày 24/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Mai

Vũ Thị Hằng

Hoàng Tuấn Anh